TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Tuấn K, sinh năm 1978 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 24, ấp A, TT. B, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ Y, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp A, TT. B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/6/2019 và trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn – Ông Phan Tuấn K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Mỹ Y kết hôn với nhau vào đầu năm 2006, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 27/02/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, ông và bà Y về

chung sống với nhau tại nhà riêng của cha mẹ vợ cho tại ấp A, TT. B, huyện C, tỉnh An Giang, ông bà đã làm ăn sinh sống ở đó đến nay. Cuộc sống vợ chồng của ông bà êm ấm được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn và chuyện tiền bạc, trong giải quyết chuyện gia đình. Từ đó, dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau nữa nên ông bà luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm và hạnh phúc. Ông và bà Y đã ly thân nhau từ đầu tháng 6 năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Y.

- Về con chung: Giữa ông và bà Y có 01 con chung tên Phan Thiện T, sinh ngày 14/06/2007, hiện nay cháu T đang sống với bà Y. Sau ly hôn, ông đồng ý để bà Y tiếp tục nuôi cháu T, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 11/9/2019, bị đơn – Bà Lê Thị Mỹ Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông K kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên. Thời gian đầu ông bà chung sống hòa thuận, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông K.

- Về con chung: Giữa bà và ông K có một con chung tên Phan Thiện T sinh ngày 14/6/2007. Hiện nay cháu T đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Y có yêu cầu: Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa nên yêu cầu Tòa án cho bà xin được vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ:

- Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gửi Tòa án gồm:

+ Giấy chứng minh nhân dân (Bản photo);

+ Giấy trích lục kết hôn (Bản sao);

+ Giấy khai sinh cháu T (Bản sao);

+ Phiếu gửi hồ sơ khởi kiện cho bị đơn.

- Bị đơn cung cấp chứng cứ gửi Tòa án gồm:

+ Bản tự khai ngày 11/9/2019;

+ Sổ hộ khẩu (Bản photo);

+ Tờ ghi ý kiến của cháu T.

- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thu thập được tài liệu, chứng cứ:

Biên bản xác minh hộ khẩu của bà Lê Thị Mỹ Y ngày 24/9/2019.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu Y kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Ông K được ly hôn với bà Y; Về con chung: Bà Y được tiếp tục nuôi con chung là cháu Phan Thiện T sinh ngày 14/6/2007. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do ông K và bà Y đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Ông K phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông K có Đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Y, do vậy xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân Gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Y có nơi cư trú tại Tổ 24, ấp A, TT. B, huyện C, tỉnh An Giang (Bút lục 31), theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Y vắng mặt. Tuy nhiên, bà Y đã có Văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Y.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông K và bà Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 27/02/2006 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa ông K và bà Y xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, theo ông K nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, chuyện làm ăn, tiền bạc và trong việc giải quyết chuyện gia đình, theo bà Y là do bất đồng trong cuộc sống. Cả hai đều xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của ông K thì bà Y cũng đồng ý ly hôn, từ đó cho thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa ông K và bà Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K, ông K được ly hôn với bà Y.

2.2 Về con chung: Giữa ông K và bà Y có 01 con chung tên Phan Thiện T, sinh ngày 14/6/2007. Hiện nay cháu T đang sống chung với bà Y. Sau khi ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, ông K đồng ý. Ngoài ra, cháu T đã có Tờ ghi ý kiến có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ là bà Y sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông K và bà Y về con chung như sau: Bà Y được tiếp tục nuôi con chung là cháu T. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con, bà Y phải tạo điều kiện cho ông K trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông K và bà Y đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm*:*

Ông K là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Ông K và bà Y có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Ông Phan Tuấn K được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 27/02/2006 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lY.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ Y được tiếp tục nuôi con chung là Phan Thiện T, sinh ngày 14/6/2007. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu. Bà Y phải tạo điều kiện cho ông K trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Tuấn K phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014356 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Phan Tuấn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/10/2019). Bà Lê Thị Mỹ Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND. P Mỹ Thới;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh